**KIỂM TRA QUÁ TRÌNH LẦN II**

**MÔN : PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

**LỚP : DA20QKDA**

**TÊN** : LƯƠNG THỊ BẢO TRÂN

**MSSV** : 112220116

**🕮 Bài Tập 1 :**

*Câu 1* : Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có quyền kết hôn .

*Câu 2*: Quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ thời điểm quyết định tuyên bố một bên vợ hoặc chồng đã chết của tòa án có hiệu lực pháp luật .

*Câu 3*: Mọi trường nam nữ sống chung như vợ chồng mà không đăng kí kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng .

*Câu 4* : Nam nữ có thể ủy quyền cho cha mẹ đăng ký kết hôn .

*Câu 5* : Người chưa thành niên mới được nhận làm con nuôi .

**🕮 Bài Tập 2 :**

A và B sống như vợ chồng cùng nhau , song không đăng ký kết hôn . Trong thời gian chung sống A và B cùng nhau góp vốn để mở công ty . Do bị tai nạn đột ngột , A qua đời và không để lại di chúc . Giữa A và B có một con chung 3 tuổi là C .

*Câu 1* : Mối quan hệ hôn nhân của anh A và chị B có được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng không ? Giải thích .

*Câu 2* : Tài sản mà A và B cùng nhau làm ra sau khi sống chung có được xem là tài sản chung của 2 người không ?

*Câu 3* : Nếu chia tài sản thừa kế của A thì B có được hưởng hay không ? C có được nhận thừa kế không ?

**BÀI LÀM**

**🕮 Bài Tập 1 :**

*Câu 1 :*

Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự có quyền được kết hôn . Vì dựa theo điều 9 luật hôn nhân và gia đình quy định về đièu kiện kết hôn thì việc người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định .

*Câu 2 :*

Quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ thời điểm quyết định tuyên bố một bên vợ hoặc chồng đã chết của tòa án có hiệu lực pháp luật . Theo điều 65 thời điểm chấm dứt hôn nhân của luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết .

*Câu 3 :*

Mọi trường nam nữ sống chung như vợ chồng mà không đăng kí kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng . Vì Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

*Câu 4 :*

Nam nữ không được phép ủy quyền cho cha mẹ đăng ký kết hôn . Vì căng cứ Điều 2 Thông tư 15/2015/TT-BTP , việc đăng ký kết hôn không được ủy quyền cho người khác đăng ký hộ mà cả nam và nữ phải có mặt tại cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng trình tự và thủ tục đã được pháp luật quy định .

*Câu 5 :*

Người chưa thành niên hoặc đã thành niên phải nhỏ hơn người nhận con nuôi từ 20 trở lên đều có thể được nhận làm con nuôi. Vì theo Điều 14. Điều kiện đối với người nhận con nuôi của Luật số 52/2010/QH12 của Quốc hội : LUẬT NUÔI CON NUÔI thì người nhận con nuôi phải hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên.

**🕮 Bài Tập 2 :**

*Câu 1:*

Mối quan hệ hôn nhân của anh A và chị B không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng . Vì theo điều 14 của luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

Câu 2 :

Tài sản mà A và B cùng nhau làm ra sau khi sống chung không được xem là tài sản chung của 2 người . Vì theo điều 16 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

*Câu 3 :*

Do không đăng kí kết hôn và không được công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật nên, Khi A qua đời và không có di chúc, B sẽ không được hưởng thừa kế của A. Đối với tài sản khi sống chung như vợ chồng thì tài sản riêng của ai vẫn của người đó, tài sản chung được tạo lập trong quá trình sống chung sẽ được chia theo nguyên tắc phân chia tài sản chung, tức là phân chia theo thỏa thuận của 2 bên hoặc theo quyết định của Tòa án. Tuy nhiên do A đã mất nên không thể thỏa thuận được, vì vậy B có quyền yêu cầu Tòa án phân chia số tài sản chung này.

Nếu B có đầy đủ chứng cứ để chứng minh C là con của A và B sinh sống cùng nhưng không có đăng ký kết hôn, thì C vẫn được pháp luật bảo vệ quyền được hưởng thừa kế. Khi đó, C được coi là con đẻ A. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 về hàng thừa kế theo pháp luật thì C thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Khi C chưa thành niên (dưới 18 tuổi) thì theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho dù A để lại di chúc nhưng không chia tài sản cho C thì C vẫn được hưởng phần di sản bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật.